

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BGI
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST

Ngày 29 tháng 4 năm 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BGI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bằng

2. Bà Hoàng Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGI tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BGI xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST – KDTM ngày 29/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST – KDTM ngày 24/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST – KDTM ngày 10/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST – KDTM ngày 25/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST – KDTM ngày 09/4/2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T1 - Tổng giám đốc

Địa chỉ: BIDV Tower, Số 35, HV , HK , Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Kh1 - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Hồng L1 – Chức vụ: Trưởng phòng – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 395/QĐ-QLRR ngày 03/11/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 02, đường NgGiTh , phường TrPh , thành phố BGI

(Có mặt)

+ **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thanh Ng1 , sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố VN 3, phường HVT, thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Cao Nam Th1 (tức Cao Nam), sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố VN 3, phường HVT, thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Lê Thị Hồng L1 trình bày:* Bà là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết việc kiện tại Tòa án theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 395/QĐ-QLRR ngày 03/11/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang. Bà Nguyễn Thanh Ng1 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang có ký các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2018/2162870/HĐTD ngày 12/6/2018. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng; lãi suất vay là 9,5%/năm; Mục đích vay là trả tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 12/6/2018. Hạn trả nợ 12/6/2021. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả vào 25 hàng tháng, bà Nga chưa trả được tiền gốc và tiền lãi.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/2162870/HĐTD ngày 29/3/2019. Số tiền vay là 1.800.000.000 đồng; lãi suất vay là 11,5%/năm; Mục đích vay là trả tiền mua sắm trang thiết bị đầu tư nhà hàng karaoke; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 29/3/2019. Hạn trả nợ 29/3/2024. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả vào 25 hàng tháng, bà Nga chưa trả được tiền gốc và tiền lãi.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 06/2018/2162870/HĐTD ngày 18/10/2018 cho vay tối đa số tiền là 6.000.000.000 đồng gồm cả Việt nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng số 01/2018/2162870/HĐTD ngày 01/6/2018, Hợp đồng tín dụng số 02/2018/2162870/HĐTD ngày 05/6/2018, Hợp đồng tín dụng số 03/2018/2162870/HĐTD ngày 06/6/2018 sang. Bao gồm các khoản vay cụ thể như sau:

+ Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng số 6.8/2018/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 09 tháng, từ ngày 26/9/2019 đến ngày 26/6/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, bà Nga chưa trả được tiền gốc và tiền lãi.

+ Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng số 6.9/2018/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 09 tháng, từ ngày 27/9/2019 đến ngày

27/6/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, bà Nga chưa trả được tiền gốc và tiền lãi.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/2162870/HĐTD ngày 20/02/2020 cho vay tối đa số tiền là 5.000.000.000 đồng gồm cả Việt nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng số 06.5/2018/2162870/HĐTD ngày 19/6/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.6/2018/2162870/HĐTD ngày 20/6/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.7/2018/2162870/HĐTD ngày 18/7/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.8/2018/2162870/HĐTD ngày 26/9/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.9/2018/2162870/HĐTD ngày 29/6/2019 sang có khoản vay cụ thể như sau: Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng số 01.2/2020/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 04 tháng, từ ngày 26/3/2019 đến ngày 26/7/2020, số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 6,5%/năm, bà Nga chưa trả được tiền gốc và tiền lãi.

Tổng số tiền Ngân hàng giải ngân cho bà Nga qua các hợp đồng tín dụng là 8.800.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm đối với các hợp đồng tín dụng trên gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: Lô số 14 (N30), tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; diện tích 72 m², Địa chỉ thửa đất: Khu dân cư số 1, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1 , đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 024369, do UBND thành phố BGi cấp ngày 18/10/2007 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 23/9/2011. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 312/2018/2162870/HĐBĐ ngày 01/8/2018.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: Lô số 15 (N30), tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; diện tích 72 m², Địa chỉ thửa đất: Khu dân cư số 1, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 935566, do UBND thành phố BGi cấp ngày 14/8/2008 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 02/4/2009. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 313/2018/2162870/HĐBĐ ngày 01/8/2018.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: Lô số 13 (N30), tờ bản đồ số: Theo sơ đồ quy hoạch phân lô, phường HVT; diện tích 72 m², Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố VN 3, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1 , đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420149, do UBND thành phố BGi cấp ngày 02/4/2015 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 10/4/2015. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 194/2019/2162870/HĐBĐ ngày 28/3/2019.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2020 thì tài sản thế chấp trên từ khi ký hợp đồng thế chấp đến nay có sự thay đổi, hiện nay vợ chồng bà Nga ông Th1 có xây dựng, sửa chữa, cải tạo thêm. Quan điểm của Ngân hàng các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư lắp đặt thêm đều thuộc tài sản thế chấp và Ngân hàng được quyền xử lý tài sản. Số tiền bà Nga còn nợ Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 30/12/2020 là 6.255.954.283 đồng, trong đó tiền gốc còn nợ là 5.840.000.000 đồng, tiền lãi 405.346.356 đồng và phí phạt chậm trả lãi 10.607.927 đồng. Ngân hàng cũng đã thông báo nhiều lần nhưng bà Nga không đến Ngân hàng làm việc để giải quyết khoản nợ với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ trên. Trường hợp bà Nga, ông Th1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản đã thế chấp trên theo hợp đồng thế chấp đã ký.

Tại các hợp đồng thế chấp có quy định về phạm vi, nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp, Hợp đồng thế chấp ký ngày 01/8/2018 và 28/3/2019, đảm bảo cho nghĩa vụ của bên vay khoảng thời gian từ 12/6/2018 đến ngày 28/3/2029. Khoản vay của bà Nguyễn Thanh Ng1 theo hợp đồng tín dụng, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp vẫn có hiệu lực đối với khoản vay trên của bà Nguyễn Thanh Ng1.

Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 29/4/2021 là 7.010.958.043 đồng, trong đó tiền gốc còn nợ là 5.840.000.000 đồng, tiền lãi 1.114.120.056 đồng, lãi quá hạn 44.559.042 đồng và phí phạt chậm trả lãi 12.278.945 đồng. Trường hợp bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp, theo hợp đồng thế chấp đã ký và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 29/4/2021 đến khi tất toán hợp đồng.

+ *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là bà Nguyễn Thanh Ng1 trình bày:* Bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2018/2162870/HĐTD ngày 12/6/2018. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng; lãi suất vay là 9,5%/năm; Mục đích vay là trả tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 12/6/2018. Hạn trả nợ 12/6/2021. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả vào 25 hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/2162870/HĐTD ngày 29/3/2019. Số tiền vay là 1.800.000.000 đồng; lãi suất vay là 11,5%/năm; Mục đích vay là trả tiền mua sắm trang thiết bị đầu tư nhà hàng karaoke; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 29/3/2019. Hạn trả nợ 29/3/2024. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả vào 25 hàng tháng.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 06/2018/2162870/HĐTD ngày 18/10/2018 cho vay tối đa số tiền là 6.000.000.000 đồng gồm cả Việt nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng số 01/2018/2162870/HĐTD ngày 01/6/2018, Hợp đồng tín dụng số 02/2018/2162870/HĐTD ngày 05/6/2018, Hợp đồng tín dụng số 03/2018/2162870/HĐTD ngày 06/6/2018 sang. Bao gồm các khoản vay cụ thể như sau:

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng số 6.8/2018/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 09 tháng, từ ngày 26/9/2019 đến ngày 26/6/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm;

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng số 6.9/2018/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 09 tháng, từ ngày 27/9/2019 đến ngày 27/6/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm;

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/2162870/HĐTD ngày 20/02/2020 cho vay tối đa số tiền là 5.000.000.000 đồng gồm cả Việt nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng số 06.5/2018/2162870/HĐTD ngày 19/6/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.6/2018/2162870/HĐTD ngày 20/6/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.7/2018/2162870/HĐTD ngày 18/7/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.8/2018/2162870/HĐTD ngày 26/9/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.9/2018/2162870/HĐTD ngày 27/9/2019 sang có khoản vay cụ thể như sau: Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng số 01.2/2020/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 04 tháng, từ ngày 26/3/2020 đến ngày 26/7/2020, số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 6,5%/năm.

Để bảo đảm tiền vay trên, vợ chồng bà có thể chấp tài sản quyền sử dụng đất. Cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 312/2018/2162870/HĐBĐ ngày 01/8/2018: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở 72 m² và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 024369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03779/QĐ số 393/QĐ – UBND do UBND thành phố BGi cấp ngày 18/10/2007 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 23/9/2011; Thửa đất số: Lô số 14 (N30), Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Khu dân cư số 1, phường HVT, thành phố BGi; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1.

- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 313/2018/2162870/HĐBĐ ngày 01/8/2018: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở 72 m² và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 935566, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H041289/QĐ số 755/QĐ – UBND do UBND thành phố BGi cấp ngày 14/8/2008 và được Văn phòng đăng ký

quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 02/4/2009; Thửa đất số: Lô số 15 (N30), Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Khu dân cư số 1, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1

- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 194/2019/2162870/HĐBĐ ngày 28/3/2019: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở 72 m2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420149, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01931/QĐ số 1195/QĐ – UBND do UBND thành phố BGi cấp ngày 02/4/2015 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 10/4/2015; Thửa đất số: Lô số 13 - N30, Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố VN 3, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1

Do vợ chồng bà kinh doanh không được thuận lợi, vì vậy chưa trả được tiền nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng bà phải trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và tiền lãi phát sinh đến khi tất toán toàn bộ hợp đồng. Trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp trên. Trường hợp phải phát mại tài sản thì Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà phải chịu toàn bộ tất cả chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa Ngân hàng và vợ chồng bà. Bà Nga nhất trí không có ý kiến gì.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2020 thì tài sản thế chấp trên từ khi ký hợp đồng thế chấp đến nay có sự thay đổi, hiện nay vợ chồng bà Nga có xây dựng, sửa chữa, cải tạo thêm. Bà đồng ý các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư lắp đặt thêm đều thuộc tài sản thế chấp và Ngân hàng được quyền sử lý tài sản.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án đã thông báo kết quả cho các đương sự không ai có ý kiến gì

+ Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải cho ông Cao Nam Th1 đúng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Th1 không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về nội dung vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do có ký vào biên bản hòa giải nhưng không thể hiện quan điểm có đồng ý hay không đồng ý với nội dung biên bản hòa giải thành.

+ Ngày 29/12/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì toàn bộ tài sản thế chấp có sự thay đổi so với thời điểm thế chấp. Cụ thể bà Nga, ông Th1 có xây dựng, sửa chữa, cải tạo thêm. Bà Nga đồng ý các tài sản gắn liền với tài sản thế

chấp do bên thế chấp đầu tư lắp đặt thêm điều thuộc tài sản thế chấp và Ngân hàng được quyền sử lý tài sản.

+ Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các ông Thắng, ông Th1 không có ý kiến gì.

+ Ngày 29/01/2021, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Ngày 24/02/2021, Tòa án mở phiên tòa nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Ngày 10/3/2021, Tòa án mở phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin hoãn phiên tòa, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Ngày 25/3/2021, Tòa án mở phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Ngày 09/4/2021, Tòa án mở phiên tòa bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và buộc bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2021 là 7.010.958.043 đồng, trong đó tiền gốc còn nợ là 5.840.000.000 đồng, tiền lãi 1.114.120.056 đồng, lãi quá hạn 44.559.042 đồng, phí phạt chậm trả lãi 12.278.945 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi tất toán toàn bộ hợp đồng. Trường hợp bà Nga, ông Th1 không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Bà Nguyễn Thanh Ng1, ông Cao Nam Th1 phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với việc vắng mặt của bà Nguyễn Thanh Ng1, ông Cao Nam Th1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do

vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thanh Ng1 , ông Cao Nam Th1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1 là quan hệ kinh doanh thương mại giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh. Bà Nguyễn Thanh Ng1 có các ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2018/2162870/HĐTD ngày 12/6/2018. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng; lãi suất vay là 9,5%/năm; Mục đích vay là trả tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 12/6/2018. Hạn trả nợ 12/6/2021. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả vào 25 hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/2162870/HĐTD ngày 29/3/2019. Số tiền vay là 1.800.000.000 đồng; lãi suất vay là 11,5%/năm; Mục đích vay là trả tiền mua sắm trang thiết bị đầu tư nhà hàng karaoke; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 29/3/2019. Hạn trả nợ 29/3/2024. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả vào 25 hàng tháng.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 06/2018/2162870/HĐTD ngày 18/10/2018 cho vay tối đa số tiền là 6.000.000.000 đồng gồm cả Việt nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng số 01/2018/2162870/HĐTD ngày 01/6/2018, Hợp đồng tín dụng số 02/2018/2162870/HĐTD ngày 05/6/2018, Hợp đồng tín dụng số 03/2018/2162870/HĐTD ngày 06/6/2018 sang. Bao gồm các khoản vay cụ thể như sau:

- + Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng số 6.8/2018/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 09 tháng, từ ngày 26/9/2019 đến ngày 26/6/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm;

- + Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng số 6.9/2018/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 09 tháng, từ ngày 27/9/2019 đến ngày 27/6/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm;

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/2162870/HĐTD ngày 20/02/2020 cho vay tối đa số tiền là 5.000.000.000 đồng gồm cả Việt nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng số 06.5/2018/2162870/HĐTD ngày 19/6/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.6/2018/2162870/HĐTD ngày 20/6/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.7/2018/2162870/HĐTD ngày 18/7/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.8/2018/2162870/HĐTD ngày 26/9/2019, Hợp đồng tín dụng số 06.9/2018/2162870/HĐTD ngày 27/9/2019 sang có khoản vay cụ thể như sau: Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng số 01.2/2020/2162870/HĐTD, thời hạn vay là 04 tháng, từ ngày 26/3/2020 đến ngày 26/7/2020, số tiền

2.000.000.000 đồng, lãi suất 6,5%/năm. Tổng số tiền Ngân hàng giải ngân cho bà Nga qua các hợp đồng tín dụng là 8.800.000.000 đồng. Bà Nga đã trả được một phần tiền gốc và lãi, hiện nay số tiền gốc còn lại và tiền lãi đã quá hạn nhưng bà Nga không trả được, bà Nga đã vi phạm thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi, nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố BGi giải quyết. Đây là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố BGi giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 thanh toán số tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng tín dụng như đã nêu ở trên thì thấy: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giải ngân cho bà Nga vay số tiền số tiền theo hợp đồng tín dụng số 04/2018/2162870/HĐTD ngày 12/6/2018 là 2.000.000.000 đồng, hợp đồng tín dụng số 01/2019/2162870/HĐTD ngày 29/3/2019 ngày 29/3/2019 là 1.800.000.000 đồng, hợp đồng hạn mức tín dụng số 06/2018/2162870/HĐTD ngày 18/10/2018 là 5.000.000.000 đồng và hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/2162870/HĐTD ngày 20/02/2020 chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng của năm 2018 sang. Tổng số tiền Ngân hàng giải ngân cho bà Nga là 8.800.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Phương thức trả nợ tiền gốc, tiền lãi trả vào cuối kỳ theo từng giấy nhận nợ. Số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2021, bà Nguyễn Thanh Ng1, ông Cao Nam Th1 còn nợ Ngân hàng 7.010.958.043 đồng, trong đó tiền gốc còn nợ là 5.840.000.000 đồng, tiền lãi 1.114.120.056 đồng, lãi quá hạn 44.559.042 đồng và phí phạt chậm trả lãi 12.278.945 đồng. Bà Nga, ông Th1 không trả được tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng, do vậy bà Nga vi phạm Điều 9 của các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng khởi kiện bà Nga là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Bà Nga vay tiền để kinh doanh, phục vụ kinh tế chung của gia đình, ông Cao Nam Th1 là chồng bà Nga, vì vậy ông Th1 phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ mà bà Nga còn nợ Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu bà Nga và anh Thắng phải có trách nhiệm trả số nợ theo các Hợp đồng tín dụng trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đối với yêu cầu trong trường hợp bà Nga, ông Th1 không trả được nợ thì đề nghị được phát mại các tài sản bảo đảm:

[3.2.1] Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở 72 m2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 024369, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03779/QĐ số 393/QĐ – UBND do UBND thành phố BGi cấp ngày 18/10/2007 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 23/9/2011; Thửa đất số: Lô số 14 (N30), Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Khu dân cư số 1, phường HVT, thành phố BGi; Chủ sử dụng đất

theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1 . Ngày 01/8/2018 bà Nga, ông Th1 có ký Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 312/2018/2162870/HĐBĐ, với nội dung “*Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng và/hoặc Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Bên được bảo đảm trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/6/2018 đến ngày 01/6/2028 bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố, chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án... và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác.*”. Hợp đồng được Phòng công chứng Minh Khai công chứng số 3226, quyển số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/8/2015. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 312/2018/2162870/HĐBĐ ngày 01/8/2018 phù hợp với Điều 317, Điều 318 và Điều 319 Bộ luật dân sự.

- Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở 72 m2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 935566, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H041289/QĐ số 755/QĐ – UBND do UBND thành phố BGi cấp ngày 14/8/2008 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 02/4/2009; Thửa đất số: Lô số 15 (N30), Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Khu dân cư số 1, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1 . Ngày 01/8/2018 bà Nga, ông Th1 có ký Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 313/2018/2162870/HĐBĐ, với nội dung “*Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng và/hoặc Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Bên được bảo đảm trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/6/2018 đến ngày 01/6/2028 bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố, chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án... và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác.*”. Hợp đồng được Phòng công chứng Minh Khai công chứng số 3227, quyển số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/8/2018. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 313/2018/2162870/HĐBĐ ngày 01/8/2018 phù hợp với Điều 317, Điều 318 và Điều 319 Bộ luật dân sự.

- Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở 72 m2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420149, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01931/QĐ số 1195/QĐ – UBND do

UBND thành phố BGi cấp ngày 02/4/2015 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 10/4/2015; Thửa đất số: Lô số 13 - N30, Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố VN 3, phường HVT, thành phố BGi; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1. Ngày 28/3/2019, bà Nga, ông Th1 có ký Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 194/2019/2162870/HĐBĐ, với nội dung “*Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng như định nghĩa tại Điều 1 Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí trông giữ, chi phí bán đấu giá, chi phí thuê luật sư...) và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác*”. Hợp đồng được Phòng công chứng Minh Khai công chứng số 971, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/3/2019. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 194/2019/2162870/HĐBĐ ngày 28/3/2019 phù hợp với Điều 317, Điều 318 và Điều 319 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được chấp nhận, do vậy bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 (tức Cao Nam) phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã nộp là 3.000.000 đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, do vậy bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 317, Điều 318 và Điều 319 của Bộ luật Dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 (tức Cao Nam) phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/2162870/HĐTD ngày 12/6/2018, hợp đồng tín dụng số 01/2019/2162870/HĐTD ngày 29/3/2019, hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/2162870/HĐTD ngày 20/02/2020 tính đến hết ngày 29/4/2021 là

7.010.958.043 (bảy tỷ không trăm mười triệu chín trăm năm mươi tám nghìn không trăm bốn ba) đồng, trong đó tiền gốc còn nợ là 5.840.000.000 đồng, tiền lãi 1.114.120.056 đồng, lãi quá hạn 44.559.042 đồng và phí phạt chậm trả lãi 12.278.945 đồng.

2.2. Trường hợp bà Nguyễn Thanh Ng1 và ông Cao Nam Th1 (tức Cao Nam) không trả được nợ cho Ngân hàng thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại tài sản đã thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất ở 72 m2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 024369, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03779/QĐ số 393/QĐ – UBND do UBND thành phố BGi cấp ngày 18/10/2007 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 23/9/2011; Thửa đất số: Lô số 14 (N30), Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Khu dân cư số 1, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1 . Theo hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 312/2018/2162870/HĐBĐ ngày 01/8/2018.

+ Quyền sử dụng đất ở 72 m2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 935566, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H041289/QĐ số 755/QĐ – UBND do UBND thành phố BGi cấp ngày 14/8/2008 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 02/4/2009; Thửa đất số: Lô số 15 (N30), Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Khu dân cư số 1, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1 . Theo hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 313/2018/2162870/HĐBĐ ngày 01/8/2018.

+ Quyền sử dụng đất ở 72 m2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420149, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01931/QĐ số 1195/QĐ – UBND do UBND thành phố BGi cấp ngày 02/4/2015 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận chuyển nhượng ngày 10/4/2015; Thửa đất số: Lô số 13 - N30, Tờ bản đồ số: Theo Quy hoạch khu dân cư số 1, phường HVT; Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố VN 3, phường HVT, thành phố BGi ; Chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận: ông Cao Nam và bà Nguyễn Thanh Ng1 . Theo hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 194/2019/2162870/HĐBĐ ngày 28/3/2019.

2. 3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ sau ngày 29/4/2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Bà Nguyễn Thanh Ng1 , ông Cao Nam Th1 (tức Cao Nam) phải chịu 115.010.958 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.000.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0001719 ngày 24/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang.

2.5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thanh Ng1 , ông Cao Nam Th1 (tức Cao Nam) phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được nhận lại số tiền này khi bà Nguyễn Thanh Ng1 , ông Cao Nam Th1 (tức Cao Nam) nộp.

2.6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

2.7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND TP Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự thành phố BGi ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Đinh Thị Thu Hà

Số: 18/QĐ

Bắc Giang, ngày 20 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BGI**

Căn cứ vào Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do trong quá trình đánh máy có nhầm lẫn trong bản án số 04/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BGI đối với vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T1 - Tổng giám đốc

Địa chỉ: BIDV Tower, Số 35, HV , HK , Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Kh1 - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Hồng L1 – Chức vụ: Trưởng phòng – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 395/QĐ-QLRR ngày 03/11/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 02, đường NgGiTh , phường TrPh , thành phố BGI

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh Ng1 , sinh năm 1979

Địa chỉ: tổ dân phố VN 3, phường HVT, thành phố BGI , tỉnh Bắc Giang

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Cao Nam Th1 (tức Cao Nam), sinh năm 1975

Địa chỉ: tổ dân phố VN 3, phường HVT, thành phố BGI , tỉnh Bắc Giang

QUYẾT ĐỊNH

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BGI như sau:

Tại trang 04 dòng thứ 12 và dòng thứ 32 từ trên xuống dưới có ghi: “... phí phạt chậm trả lãi ...”

Nay cần sửa chữa như sau: “...lãi chậm trả...”

Tại trang 07 dòng thứ 3 từ dưới lên có ghi: “... phí phạt chậm trả lãi 12.278.945 đồng ...”

Nay cần sửa chữa như sau: “... lãi chậm trả 12.278.945 đồng...”

Tại trang 09 dòng thứ 12 và dòng thứ 5 và dòng thứ 6 từ dưới lên có ghi: “... phí phạt chậm trả lãi 12.278.945 đồng..., do vậy bà Nga vi phạm Điều 9 của các hợp đồng.... ”

Nay cần sửa chữa như sau: “... lãi chậm trả 12.278.945 đồng..., do vậy bà Nga vi phạm Điều 4 của các hợp đồng.... ”

Tại trang 12 dòng thứ 15 từ trên xuống có ghi: “lãi 1.114.120.056 đồng, lãi quá hạn 44.559.042 đồng và phí phạt chậm trả lãi”

Nay cần sửa chữa như sau: “lãi 1.114.120.056 đồng, lãi quá hạn 44.559.042 đồng và lãi chậm trả”.

Nơi nhận :

- VKSND TP Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự thành phố BGi ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thu Hà